UBND TỈNH HÀ NAM **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 96 /QĐ-SCT	*Hà Nam, ngày 25 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống Hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-SCT ngày 12/02/2020 của Giám đốc Sở Công Thương về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục Thủ tục hành chính áp dụng tại Sở Công Thương Hà Nam phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh; (để b/c)
- Sở KH&CN; (để p/h)
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH HÀ NAM

Lê Nguyên Ngọc

PHỤ LỤC
DANH MỤC TTHC ÁP DỤNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA THEO TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành theo Quyết định số QĐ/-SCT ngày tháng năm 2023)

STT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành				Ghi chú
			1	2	3	4	
I	**Lĩnh vực An toàn thực phẩm**						
1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	QT. QLCN 01		01			
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	QT.		01			
II	**Lĩnh vực Công nghiệp địa phương**						
3	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	QT.		01			
III	**Lĩnh vực lưu thông hàng hóa**						
4	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 0,3 triệu lít/ năm)			01			
5	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 0,3 triệu lít/ năm)			01			
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 0,3 triệu lít/ năm)			01			
7	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu			01			
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương			01			

9	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương			01			
10	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu			01			
11	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu			01			
12	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu			01			
13	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			01			
14	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			01			
15	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			01			
16	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			01			
17	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			01			
18	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu			01			
19	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá			01			
20	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá			01			
21	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá			01			
22	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công			01			

	Thương						
23	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương			01			
IV							
24	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG			01			
25	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG			01			
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG			01			
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua b án LNG			01			
28	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG			01			
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG			01			
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG			01			
31	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG			01			
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG			01			
33	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai			01			
34	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai			01			

35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai			01			
36	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn			01			
37	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn			01			
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn			01			
39	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải			01			
40	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải			01			
41	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải			01			
42	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải			01			
43	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải			01			
44	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải			01			
45	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải			01			
46	Cấp điều chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải			01			
47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải			01			
V	**Lĩnh vực Dầu khí**			01			
48	Thủ tục thẩm định phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho chưa xăng dầu có dung tích kho từ 210m3 dưới			01			

	5.000m3						
49	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000m3			01			
50	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000m3			01			
VI							
51	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại			01			
52	Đăng ký thay đổi mẫu dấu nghiệp vụ giám định thương mại			01			
VII							
53	Thông báo hoạt động khuyến mại			01			
54	Thủ tục thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại			01			
55	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			01			
56	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			01			
57	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại			01			

58	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại			01			
VIII							
59	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			01			
60	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			01			
61	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			01			
62	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			01			
63	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của cơ quan cấp giấy phép			01			
64	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa			01			
65	Diều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài			01			
66	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài			01			
67	Cấp Giấy phép bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)			01			
68	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)			01			

69	Thủ tục điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; tên địa chỉ của cơ sở bán lẻ; loại hình cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam			01			
70	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2			01			
71	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại			01			
72	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini			01			
73	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ			01			
74	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ			01			
75	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i, Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP			01			
76	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp trí			01			

77	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn			01			
78	Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định 09/2018/NĐ-CP			01			
79	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động			01			
IX							
80	Thủ tục đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương			01			
81	Thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương			01			
82	Thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương			01			
83	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp			01			
84	Thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu điều kiện giao dịch chung			01			
X							
85	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá			01			
86	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá			01			
87	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá			01			
88	Cắp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá			01			
89	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá			01			
90	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá			01			

X							
91	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			01			
92	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			01			
93	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			01			
94	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp			01			
95	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			01			
96	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			01			
97	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp						
98	Cấp giấy lại chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp						
99	Cấp giấyđiều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp						
XI	**Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**						

100	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương			01			
101	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương			01			
102	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương			01			
103	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương			01			
104	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp			01			
XII	**Lĩnh vực khoa học, công nghệ**						
105	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng			01			
XIII	**Lĩnh vực Điện**						
106	Cấp lại thẻ an toàn điện			01			
107	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương			01			
108	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương			01			
109	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện cấp điện áp 0,4kV tại địa phương			01			
110	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 0,3MW đặt tại địa phương			01			
111	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 0,3MW đặt tại địa phương			01			

112	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương			01			
113	Thuủ tục cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng			01			
114	Huấn luyện và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện			01			
115	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương			01			
116	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương			01			
XIV	**Lĩnh vực hoạt động xây dựng**						
117	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (công trình năng lương)			01			
118	Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở (công trình năng lượng)			01			
XIV	**Lĩnh vực công nghiệp nặng**						
119	Cấp giấy xác nhận dự án sản xuất ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ			01			
XV	**Quản lý chất lượng công trình xây dựng**						

120	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng , Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Vộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tthay thế thủ tục tại Quyết định số 833/QĐ- BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng			01			